

Số: 16/NQ-HĐND

An Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định
chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 19 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Đầu tư; Luật Nhà ở; Luật Đấu thầu; Luật Điện lực; Luật Doanh nghiệp; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2023 cho các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long thực hiện dự án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Xét Tờ trình số 373/TTr-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công như sau:

1. Quyết định chủ trương đầu tư 03 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công với tổng mức đầu tư là 329.720 triệu đồng (trong đó: nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 là 250.000 triệu đồng và nguồn vốn ngân sách tỉnh là 79.720 triệu đồng).

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)

2. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 03 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công được phê duyệt tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020, Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với tổng mức đầu tư là 608.102 triệu đồng (trong đó: ngân sách tỉnh là 477.308 triệu đồng và ngân sách huyện là 130.794 triệu đồng).

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, kỳ họp thứ 19 (chuyên đề) thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Nưng

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐNDD ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Phạm vi	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiền độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện
								Ngân sách trung ương (dự phòng năm 2023)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG CỘNG						329,720	250,000	79,720	-	-	178,686	52,647	52,000	46,387					
I	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIÊM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN						270,000	250,000	20,000	-	-	178,686	-	52,000	39,314					
1	Kè chống sạt lở đường Bắc Kênh Mới	Thị trấn An Phú – xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Khu vực huyện An Phú	Xây dựng mới	Chiều dài tuyến kè khoảng 850m (đoạn từ khu dân cư Kênh Mới đến qua cống Ba Đạm); Kết cấu kè dạng tường chắn thẳng đứng bê tông cốt thép. Xây dựng tái lập lại các công trình phía sau kè do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình như vỉa hè, đường giao thông, hệ thống thoát nước, cấp điện chiếu sáng sau kè.	Bảo vệ chống sạt lở nguy hiểm bờ kênh, phòng tránh thiệt hại về tính mạng, tài sản người dân và nhà nước, bảo vệ các công trình kiến trúc, cơ sở hạ tầng xã hội tại khu vực.	140,000	130,000	10,000			89,506		31,000	19,494	Năm 2023-2024	02 năm	Nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 (130.000 triệu đồng) + ngân sách tỉnh (10.000 triệu đồng)	Nguồn vốn dự phòng NSTW năm 2023 và nguồn NST	Luật Đầu tư công

2	Tuyến kè bảo vệ khu dân cư xã Châu Phong	Xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thị xã Tân Châu	Xây dựng mới	Tổng chiều dài tuyến kè khoảng 712m, gồm 2 đoạn: . Đoạn 1 từ ngã bao sông Hậu (giáp kè mái thám đá hiện hiện hữu) đến bến phà Châu Giang dài khoảng 232m. . Đoạn 2 từ bến phà Châu Giang tới khu vực bến phà cũ dài khoảng 480m. Kết cấu kè tường đứng, kết cấu tường cừ BTCT dự ứng lực kết hợp cọc neo sau và tường góc BTCT, cọc cừ được đóng sâu vào trong lớp đất tốt giữ ổn định cho công trình, kết cấu có tuổi thọ công trình cao, chiếm ít diện tích đất, ít ảnh hưởng đến giải phóng mặt bằng	Nhằm bảo vệ chống sạt lở bờ kênh, phòng tránh thiệt hại về tài sản, tính mạng người dân và nhà nước kết hợp hình thành cơ sở hạ tầng, cảnh quan kiến trúc phục vụ phát triển đô thị tạo cơ sở vững chắc và ổn định để phát triển toàn diện về kinh tế, xã hội, văn hoá.	130,000	120,000	10,000				89,180		21,000	19,820	Năm 2023-2024	02 năm	Nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 (120.000 triệu đồng) + ngân sách tỉnh (10.000 triệu đồng)	Nguồn vốn dự phòng NSTW năm 2023 và nguồn NST	Luật Đầu tư công
---	--	--	---	--------------	---	--	---------	---------	--------	--	--	--	--------	--	--------	--------	---------------	--------	---	--	------------------

II	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN						59,720	-	59,720	-	-	-	52,647	-	7,073					
1	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh An Giang giai đoạn 2023-2026	Các cơ quan đảng tỉnh An Giang	Ban QLDA ĐTXD và Khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang	Đầu tư mới	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đầu tư mới, bổ sung hoàn thiện hệ thống đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin tại trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy và 11 trung tâm mạng huyện, thị, thành ủy; Nâng cấp hệ thống truyền hình trực tuyến từ Tỉnh ủy đến 11 huyện, thị, thành ủy; Xây dựng hệ thống quản lý truy cập mạng không dây theo mô hình tập trung tại gồm 18 đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện; Số hóa tài liệu ở các cơ quan đảng toàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Nâng cấp các phần mềm, hệ thống thông tin nội bộ phục vụ yêu cầu chuyển đổi số, kết nối liên thông và tích hợp dữ liệu; Mua sắm máy móc, trang thiết bị cho người dùng đầu cuối phục vụ hoạt động tác nghiệp thường xuyên.	Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, tăng cường triển khai các giải pháp, các ứng dụng dùng chung trên nền tảng số, đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin nhằm thực hiện yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh.	59,720		59,720				52,647		7,073	Năm 2023-2026	04 năm	Giai đoạn 2021-2025: 30.000 triệu đồng; giai đoạn 2026-2030: 29.720 triệu đồng	Ngân sách tỉnh	Luật Đầu tư công

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐNDD ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt														Nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư														
				Quyết định, Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Địa điểm	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32
	TỔNG CỘNG						501,350	0	361,308	140,042	0	191,911	121,616	76,702	111,121					608,102	0	477,308	130,794	0	345,080	131,532	48,288	83,202				
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP						52,313	0	40,657	11,656	0	35,953	4,704	0	11,656					64,273	0	53,559	10,714	0	48,860	4,699	0	10,714				

1	Trường THCS Phước Hưng	Xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện An Phú	04/NQ-HĐND ngày 14/4/2022	- Xây dựng mới: 12 phòng học, một số phòng thuộc khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, một số phòng thuộc khối phòng hỗ trợ học tập, một số hạng mục khối phụ trợ, công trình nước sạch, hạ tầng kỹ thuật. - Cải tạo: một số phòng thuộc khối phòng hành chính quản trị, một số phòng thuộc khối phòng hỗ trợ học tập, một số hạng mục khối phụ trợ. - Thiết bị.	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo Trường THCS Phước Hưng tạo điều kiện cho học sinh và giáo viên của trường có môi trường học tập và làm việc được tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	52,313		40,657	11,656		35,953	4,704		11,656	2023-2026	04 năm	Xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang	- Xây dựng mới: 12 phòng học, một số phòng thuộc khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, một số phòng thuộc khối phòng hỗ trợ học tập, một số hạng mục khối phụ trợ, công trình nước sạch, hạ tầng kỹ thuật. - Cải tạo: một số phòng thuộc khối phòng hành chính quản trị, một số phòng thuộc khối phòng hỗ trợ học tập, một số hạng mục khối phụ trợ. - Thiết bị.	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo Trường THCS Phước Hưng tạo điều kiện cho học sinh và giáo viên của trường có môi trường học tập và làm việc được tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	64,273		53,559	10,714		48,860	4,699		10,714	CBĐT: năm 2023; THDA: Năm 2024-2027	04 năm	Ngân sách tỉnh (Giai đoạn 2021-2025: 30.000 triệu đồng; giai đoạn 2026-2030: 23.559 triệu đồng) Ngân sách huyện: 10.714 triệu đồng
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						272,571	0		0	0	87,273	116,912	0	68,386					367,363	0	367,363	0	0	207,482	126,833	0	33,048				

1	Bệnh viện Mắt – Tai Mũi Họng – Răng Hàm Mặt tỉnh An Giang	Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.	Ban QLDA ĐTXD và Khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang	11/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện 150 giường bệnh Tổng diện tích sàn xây dựng bao gồm sân thượng + mái 13.320,1 m², bao gồm khối nhà quy mô 9 tầng + sân thượng + mái	Dự án xây dựng mới Bệnh viện Mắt – Tai Mũi Họng – Răng Hàm Mặt tỉnh An Giang đạt tiêu chuẩn để phục vụ khám chữa bệnh cho người dân tỉnh An Giang và các tỉnh thành lân cận, đáp ứng lộ trình phát triển theo quy hoạch của ngành Y tế.	272,571		272,571			87,273	116,912		68,386	2021-2025	04 năm	Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.	Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện 150 giường bệnh Tổng diện tích sàn xây dựng bao gồm sân thượng + mái 13.320,1 m², bao gồm khối nhà quy mô 9 tầng + sân thượng + mái	Dự án xây dựng mới Bệnh viện Mắt – Tai Mũi Họng – Răng Hàm Mặt tỉnh An Giang đạt tiêu chuẩn để phục vụ khám chữa bệnh cho người dân tỉnh An Giang và các tỉnh thành lân cận, đáp ứng lộ trình phát triển theo quy hoạch của ngành Y tế.	367,363		367,363			207,482	126,833		33,048	CBĐT: Năm 2021-2022; THDA: Năm 2023-2026	04 năm	Ngân sách tỉnh: Giai đoạn 2021-2025: 272.485 triệu đồng; giai đoạn 2026-2030: 94.878 triệu đồng
III	GAO THÔNG						176,466	0	48,080	128,386	0	68,685	0	76,702	31,079						176,466	0	56,386	120,080	0	88,738	0	48,288	39,440			
1	Nâng cấp đường Lê Trọng Tấn (đoạn từ cầu Tầm Bót đến đường Phạm Cự Lượng)	Phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Ban QLDA ĐTXD khu vực thành phố Long Xuyên	25/NQ-HĐND ngày 22/7/2021	Tổng chiều dài 700m và 01 cầu giao thông	Phục vụ người dân di lại, tạo mỹ quan trong khu vực thành phố, hoàn chỉnh và đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với các hạ tầng khu dân cư đã thực hiện của thành phố Long Xuyên.	176,466		48,080	128,386		68,685		76,702	31,079	2022-2025	04 năm	Phường Mỹ Phước, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Tổng chiều dài: 1.060m (bổ sung 360m đoạn từ Nguyễn Văn Linh đến Trụ sở Công an tỉnh) và 01 cầu giao thông	Phục vụ người dân di lại, tạo mỹ quan trong khu vực thành phố, hoàn chỉnh và đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với các hạ tầng khu dân cư đã thực hiện của thành phố Long Xuyên.	176,466		56,386	120,080		88,738		48,288	39,440	CBĐT: Năm 2021; THDA: Năm 2022-2025	04 năm	Ngân sách tỉnh: 56.386 triệu đồng Ngân sách huyện: 120.080 triệu đồng